

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2023

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Đặng Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2161/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8441/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện L, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Hứa Thị Thanh T, sinh năm 1969

Địa chỉ: 113/28/4 đường x, khu phố y, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh H và bà Hứa Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1988, không có tổ chức hỏi cưới và cũng không có đăng ký kết hôn, lý do lúc đó kinh tế khó khăn, hai vợ chồng sống ở vùng kinh tế mới, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, khác biệt trong tính cách, lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

- Về con chung: Ông H và bà T có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1989, Huỳnh Thị T1, sinh năm 1991 và Huỳnh Thị T2, sinh năm 1991 (tất cả đều trên 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông H xác định không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Hứa Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của ông Huỳnh Thanh H, lý do bà và ông H sống chung mà không đăng ký kết hôn vì lúc đó kinh tế khó khăn, hai vợ chồng sống ở vùng kinh tế mới, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Theo bà nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, khác biệt trong tính cách, lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, bà đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông H có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1989, Huỳnh Thị T1, sinh năm 1991 và Huỳnh Thị T2, sinh năm 1991 (tất cả đều trên 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của

pháp luật. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự; các đương sự chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh H và bà Hứa Thị Thanh T; các con chung của ông H và bà T đến nay đều đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Huỳnh Thanh H và bà Hứa Thị Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 1988, không hỏi cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xác định quan hệ tranh chấp là “không công nhận quan hệ vợ chồng”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Hứa Thị Thanh T có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh H, bà Hứa Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh H và bà Hứa Thị Thanh T cùng xác nhận cả hai tự nguyện chung sống vào năm 1988, không có tổ chức hỏi cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét hôn nhân của ông H và bà T kéo dài từ năm 1988 cho đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn, thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nhưng cả hai không thực hiện việc đi đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Hôn nhân giữa ông H và bà T không được pháp luật thừa nhận. Nay ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T, bản thân bà T xác định không còn tình cảm với ông H, nên đồng ý với yêu cầu của ông H. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14,

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh H và bà Hứa Thị Thanh T.

[2.2]. Về con chung: Ông Hùng và bà Thi có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1989, Huỳnh Thị T1 sinh năm 1991 và Huỳnh Thị T2 sinh năm 1991. Các con của ông H, bà T đến nay đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Hùng phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Thanh H và bà Hứa Thị Thanh T là vợ chồng.

1.2 Về con chung: Ông H và bà T có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1989, Huỳnh Thị T1, sinh năm 1991 và Huỳnh Thị T2, sinh năm 1991 (trên 18 tuổi).

1.3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng ông Huỳnh Thanh H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0028286 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu